

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 02 - 2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa
chị N và anh N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hoá;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa:
Ông Lại Minh Khôi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 276/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1987; đăng ký HKTT: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ tạm trú: P.102, số C, ngõ A đường N, phường N, quận L, Thành phố Hà Nội. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N1, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm B, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn N1 ngày 31/12/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm B, xã H. Đến năm 2008 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh N1 hay uống rượu say chửi mắng chị nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 03/2023 đến nay vợ chồng sống ly thân, chị cùng các con lên Hà Nội làm ăn, còn anh N1 vẫn sống ở nhà. Đến nay xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin ly hôn với anh N1.

Về con chung: Chị và anh N1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Ánh K, sinh ngày 30/9/2005; Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2008 và Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 11/12/2014. Hiện nay 03 con đang ở cùng với chị trên Hà Nội. Do cháu K đã trên 18 tuổi, tự lập được nên chị không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng; cháu T và cháu T1 còn nhỏ nên chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con; chị không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Vợ chồng có nhà đất tại xóm B, xã H; có vay nợ của Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện H số tiền gốc là 120.000.000 đồng; ngoài ra còn vay tiền của người thân. Khi ly hôn chị không yêu cầu chia tài sản chung, chỉ yêu cầu giải quyết việc trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân Hải Anh, không yêu cầu giải quyết khoản nợ khác.

Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 đã được triệu tập tham gia tố tụng hợp lệ nhưng không trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại văn bản số 01/CV-QTD ngày 18/12/2023 của Quỹ tín dụng nhân dân xã H trình bày: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 có vay số tiền 120.000.000 đồng của Quỹ tín dụng nhân dân xã H theo Hợp đồng tín dụng số 2023.0055/HĐTTCV ngày 13/02/2023. Tính đến ngày 18/12/2023, còn nợ gốc là 120.000.000 đồng và nợ lãi là 684.000 đồng; yêu cầu chị N, anh N1 phải trả nợ gốc và lãi cho Quỹ tín dụng. Đến ngày 24/01/2024, Quỹ tín dụng nhân dân xã H có văn bản số 01/CV xin rút lại yêu cầu đòi nợ đối với chị N, anh N1 với lý do hợp đồng tín dụng chưa đến hạn thanh toán, bên vay vẫn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thoả thuận và đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi nợ đối với chị N, anh N1; không cần triệu tập Quỹ tín dụng tham gia tố tụng nữa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quyền, nghĩa vụ theo pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị N, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1. Giao hai con chung là Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2008 và Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về công nợ, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ đối với yêu cầu đòi nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Hải A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn N1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự trên.

[1.2] Tại đơn khởi kiện, chị Nguyễn Thị N có yêu cầu Tòa án giải quyết nghĩa vụ trả nợ của vợ chồng chị đối với Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện H do đó Tòa án đã thông báo cho Quỹ tín dụng nhân dân xã H tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24/01/2024 Quỹ tín dụng nhân dân xã H có văn bản đề nghị Tòa án xin rút lại yêu cầu đòi nợ đối với vợ chồng chị N, anh N1; không yêu cầu Tòa án giải quyết việc trả nợ nữa. Do đó Hội đồng xét xử xác định Quỹ tín dụng nhân dân xã H không còn tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nữa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 31/12/2004 tại UBND xã H, huyện H. Theo trình bày của chị Nguyễn Thị N thì trong quá trình chung sống do vợ chồng có quan điểm khác nhau, anh N1 thường xuyên uống rượu say chửi mắng chị vô cớ nên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi chửi nhau, đã sống ly thân từ tháng 03/2023 đến nay. Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 mặc dù vẫn sinh sống tại nơi cư trú, đã trực tiếp đến Tòa án theo giấy triệu tập nhiều lần nhưng đều từ chối làm việc, cũng không cung cấp văn bản ý kiến cho Tòa án để giải quyết vụ án, thể hiện thái độ không hợp tác trong việc giải quyết vụ án của Tòa án. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì chị N và anh N1 có xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân là đúng sự thật. Như vậy có căn cứ xác định chị N và anh N1 đang xảy ra mâu thuẫn căng thẳng nhưng đến nay các bên không có giải pháp để hòa giải đoàn tụ. Do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị N với anh Nguyễn Văn N1 là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Ánh K, sinh ngày 30/9/2005; Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2008 và Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 11/12/2014. Hiện nay cả ba con đang ở cùng với chị N tại Hà Nội. Do cháu Nguyễn Thị Ánh K đã đủ 18 tuổi, hiện đi lao động làm thuê tự lập được nên chị N không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Nguyễn Thị Ánh T và cháu Nguyễn Hồng T1 đều chưa thành niên, chị N có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh Nguyễn Văn N1 không có ý kiến về việc nuôi con. Xét chị Nguyễn Thị N hiện làm công việc giúp việc gia đình tại Hà Nội, có thu nhập ổn định từ 13.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng/tháng; mặt khác cháu T và cháu T1 đều có nguyện vọng được ở với mẹ; cháu K đã trưởng thành nhưng vẫn ở cùng với chị N và các em, đã đi làm có thu nhập nên có thể hỗ trợ mẹ chăm sóc các em; còn anh Nguyễn Văn N1 không cung cấp thông tin về điều kiện nuôi con của mình, không có yêu cầu gì về việc nuôi con gửi cho Tòa án xem xét. Do đó để đảm bảo sự ổn định về tâm lý của các con, xét điều kiện nuôi con của các bên cần giao 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Ánh T và cháu Nguyễn Hồng T1 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Do chị N tự nguyện không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con nên anh N1 không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N..

Hiện nay cháu Nguyễn Thị Ánh T và cháu Nguyễn Hồng T1 đang ở cùng với chị N nên anh N1 không phải thực hiện nghĩa vụ giao con cho chị N nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày, vợ chồng có nhà đất riêng tại xóm B, xã H; có vay nợ của Quỹ tín dụng nhân dân xã H, huyện H số tiền gốc 120.000.000 đồng và vay nợ của người thân. Chị không yêu cầu Toà án giải quyết chia tài sản chung và khoản vay nợ của người thân, chỉ yêu cầu giải quyết việc trả nợ cho Quỹ tín dụng. Sau khi được Toà án thông báo, ngày 24/01/2024 Quỹ tín dụng nhân dân xã H đã có văn bản đề nghị Toà án không giải quyết về khoản nợ của vợ chồng chị N, anh N1 trong vụ án này với lý do bên vay đang thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thoả thuận nên Q tín dụng chưa có yêu cầu đòi nợ. Bị đơn anh Nguyễn Văn N1 không tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến gửi cho Toà án. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề tài sản, nghĩa vụ về tài sản của chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1. Nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và có yêu cầu khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn N1.

2. Về việc nuôi con chung: Giao hai con chung là Nguyễn Thị Ánh T, sinh ngày 24/6/2008 và Nguyễn Hồng T1, sinh ngày 11/12/2014 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hai con đang ở với chị Nguyễn Thị N nên anh Nguyễn Văn N1 không phải thực hiện nghĩa vụ giao con.

Anh Nguyễn Văn N1 không phải cấp dưỡng nuôi 02 con chung cho chị Nguyễn Thị N.

Các bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.300.000 đồng theo biên lai thu số 0002907 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị N được trả lại số tiền chênh lệch là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng:

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên